

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN CÔNG THÀNH**

2. Ngày tháng năm sinh: 16/05/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): P4B8 Tập thể Thủ lệ 1, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 25 ngõ 107 Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0944008982; E-mail: thanhnc@neu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 05/2001 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Khoa Môi trường, Biến đổi khí hậu và Đô thị, Trường đại học Kinh tế quốc dân

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trường đại học Kinh tế quốc dân

Địa chỉ cơ quan: 207 đường Giải phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 36 280 280

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 03 tháng 08 năm 1999; số văn bằng: 117420; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế và quản lý môi trường ; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): trường Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 30 tháng 09 năm 2006; số văn bằng: M046189; ngành: ...; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Hiroshima, Nhật Bản

- Được cấp bằng TS ngày 06 tháng 06 năm 2014; số văn bằng: 41903140 – 0020691-5060-614; ngành: Kinh tế học; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Queensland, Australia

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế quốc dân

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Lượng giá các giá trị phi thị trường

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 cấp Bộ; 01 cấp cơ sở

- Đã công bố (số lượng) 11 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế SSCI và SCIE, 01 bài thuộc nhóm EarlyCite trên tạp chí thuộc Danh mục ACI và 04 bài báo trên Tạp chí Kinh tế và Phát triển; ngoài ra, đã công bố 15 báo cáo khoa học trong các kỷ yếu hội thảo, trong đó 07 báo cáo tại hội thảo quốc tế và 08 báo cáo tại hội thảo trong nước.

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

+ Giấy khen của Hiệu trưởng năm 2015 về thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp phát triển của chuyên ngành Kinh tế và quản lý môi trường

+ Giải thưởng “Best Paper Award” tại Hội thảo quốc tế lần thứ 4 “Contemporary Issues in Economics, Management and Business - CIEMB” năm 2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ tháng 5/2001, tôi chính thức trở thành giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân với hoạt động chuyên môn cụ thể tại Bộ môn Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường. Trong giai đoạn 2004 – 2006, tôi đã được cử đi học và hoàn thành chương trình thạc sĩ tại Đại học Hiroshima, Nhật Bản theo Chương trình học bổng Japanese Development Scholarship (JDS) của Chính phủ Nhật Bản. Năm 2009, tôi nhận được học bổng theo Đề án 322 của Chính phủ Việt Nam để tham gia Chương trình Tiến sĩ Kinh tế học tại Đại học Queensland, Australia. Năm 2014, sau khi hoàn thành Chương trình Tiến sĩ tại Australia, tôi đã trở về giảng dạy tại trường Đại học Kinh tế quốc dân và tiếp tục công tác tại Bộ môn Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường. Tôi xin được tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo trên các mặt công tác như sau:

- *Về giảng dạy*: tôi luôn chủ động, tích cực tham gia giảng dạy các môn học ở bậc đại học và sau đại học trong lĩnh vực kinh tế - quản lý tài nguyên và môi trường, bao gồm Kinh tế và quản lý môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Lượng giá tài nguyên và môi trường, Quản lý tài nguyên và Môi trường. Tôi cũng luôn nỗ lực đổi mới nội dung giảng dạy khi tham gia các môn học truyền thống của Bộ môn như môn Địa lý kinh tế. Cùng với hoạt động giảng dạy, tôi đã luôn hoàn thành tốt hoạt động hướng dẫn thực hiện đề án môn học, chuyên đề tốt nghiệp của sinh viên đại học, và hướng dẫn luận văn thạc sĩ. Trên cơ sở được ghi nhận về các nỗ lực trong giảng dạy, tôi đã được trường Đại học Kinh tế quốc dân và tập thể Bộ môn tin nhiệm giao nhiệm vụ Trưởng bộ môn từ năm 2019 đến nay.

- *Về nghiên cứu khoa học*: kể từ khi nhận bằng Tiến sĩ vào năm 2014, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ chủ trì 01 đề tài do Quỹ NAFOSTED tài trợ, và 01 nhiệm vụ Nhóm công bố quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus của trường Đại học Kinh tế quốc dân. Kể từ khi còn là sinh viên đại học, tôi đã công bố 26 bài báo và báo cáo khoa học, trong đó là tác giả chính của 06 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế có chất lượng cao như *Ecological Economics* (SSCI, IF: 5.389), *Meteorological Applications* (SCIE, IF: 2.119) và *Economic Analysis and Policy* (SSCI, IF: 2.497).

- *Về phát triển cộng đồng nghiên cứu khoa học*: Là chủ trì các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của nhóm nghiên cứu, tôi luôn hỗ trợ các thành viên nhóm nâng cao năng lực nghiên cứu hướng tới các công bố quốc tế uy tín, có chất lượng. Tôi cũng tích cực tham gia

phản biện cho các tạp chí có uy tín ở cả trong nước và quốc tế, chẳng hạn như *Tạp chí Kinh tế và Phát triển* (cả số tiếng Việt và tiếng Anh), *Ecological Economics*, *Economic Analysis and Policy*, và *Choice Modeling*. Ngoài ra, tôi chủ động, tích cực trong hoạt động tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Tôi là thành viên Ban tổ chức Hội thảo quốc tế “*Social-Economic and Environmental Issues in Development*” do trường ĐH Kinh tế quốc dân tổ chức phối hợp Đại học Khon Kaen, Thái Lan từ năm 2015.

- *Về các hoạt động khác*: Tôi chủ động, tích cực tham gia các hoạt động công đoàn và đoàn thể của trường. Tôi đã là Bí thư Liên chi đoàn, và là Thường vụ Ban chấp hành Đoàn trường trong giai đoạn từ 2001 đến 2004.

- *Về phẩm chất đạo đức*: Tôi luôn có ý thức bồi dưỡng phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp của một nhà giáo, giảng viên đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 21 năm 02 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017			01	05	201	33	234/473/270
2	2017-2018			02	14	219	33	252/541/270
3	2018-2019			01	13	234		234/435/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020				17	153	49	202/421/216
5	2020-2021			01	10	287		287/569/216
6	2021-2022				10	269	48	317/532/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Australia năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

T T	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS/CK2/B SNT	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Ngọc Anh		X	X		2016-2017	Trường Đại học KTQD	Bằng tốt nghiệp ngày 10/01/2017
2	Ngô Văn Bình		X	X		2017-2018	Trường Đại học KTQD	Bằng tốt nghiệp ngày 22/01/2018
3	Lê Thị Kim Tuyến		X	X		2017-2018	Trường Đại học KTQD	Bằng tốt nghiệp ngày 10/10/2018
4	Đặng Ngọc Cường		X	X		2018-2019	Trường Đại học KTQD	Bằng tốt nghiệp ngày 15/01/2019
5	Nguyễn Vân Anh		X	X		2020-2021	Trường Đại học KTQD	Bằng tốt nghiệp ngày 25/01/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận TS							
1	Kinh doanh và Môi trường	GT	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2006	8		Chương 4, Mục II: Sinh thái công nghiệp: khuôn khổ thực tiễn cho quản lý môi trường, trang 163-191	
II Sau khi được công nhận TS							
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	GT	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2022	4	X	Chương 5: Quản lý môi trường không khí, trang 267-300 Chương 6: Quản lý tài nguyên và môi trường nước, trang 301-344 Chương 9: Quản lý môi trường trong hoạt động công nghiệp và nông nghiệp, trang 430-488	

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
1					
II Sau khi được công nhận TS					
1	ĐT “Ước lượng lợi ích kinh tế của việc cải thiện chất lượng không khí tại	CN	502.99-2017.14 Quỹ NAFOSTED	11/2017 – 11/2020	10/11/2021, Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	Hà Nội: Áp dụng Phương pháp thực nghiệm các lựa chọn”				
2	Nhóm Công bố quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus năm 2019 – 2021	CN	CBQT2.2019.17 Cấp cơ sở	01/2019 – 12/2021	03/11/2021, Đạt yêu cầu

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
A	<i>Hướng nghiên cứu Kinh tế - Quản lý Tài nguyên và Môi trường</i>							
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Môi trường nước Hà Nội và các giải pháp cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Thủ đô	6	X	Hội thảo khoa học sinh viên “Vấn đề hội nhập để phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2000”			237 - 245	10/1998
2	Sản xuất sạch hơn – cơ hội nâng cao lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp	1	X	Hội thảo khoa học “Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế”			138 - 148	11/2002
3	Xác định mức phí thải bụi đối với các nguồn	1	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			118, 32-35	04/2007

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	ô nhiễm công nghiệp tại thành phố Hà Nội							
4	Nghèo đói và biến đổi khí hậu: Lồng ghép nỗ lực thích ứng vào lập kế hoạch	1	X	Hội thảo khoa học “Hài hòa đói nghèo và môi trường: Lý luận và Thực tiễn”			88-91	12/2007
5	Báo cáo Phát triển bền vững – Công cụ của doanh nghiệp hướng tới sự phát triển bền vững	1	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			Số đặc san, 16-23	03/2008
II	Sau khi được công nhận TS							
6	Thảo luận về Khung cơ sở cho việc đo lường Tăng trưởng xanh	1	X	Hội thảo quốc gia “Chiến lược Tăng trưởng xanh ở Việt Nam: Kế hoạch hành động và Vai trò của Đại học và Viện nghiên cứu”, ISBN: 978-604-927-871-6			69-75	12/2014
7	Investment in Environmental Protection: International Experiences and Current Situation in Vietnam	2	X	Hội thảo quốc tế “Social-Economic and Environmental Issues in Development” 2018, ISBN: 978-604-65-3529-4			666-678	05/2018
8	Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí đô thị: kinh nghiệm quốc tế và lựa chọn của người dân thành phố Hà Nội	3	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			257, 83-92	11/2018
9	Environmental disputes in Vietnam: An analysis from reported case studies	4		Hội thảo quốc tế “E-Government and Administrative Reform in Germany and Vietnam”,			169-178	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				ISBN: 978-3-7369-7035-9				
10	An economic analysis for climate proofing measures in Cai Lon - Cai Be sluice gate, Kien Giang province	3		Hội thảo quốc tế lần thứ 4 “Contemporary Issues in Economics, Management and Business - CIEMB”, ISBN: 978-604-330-104-5			245-268	11/2021
11	Ứng dụng công nghệ thực tế ảo trong giáo dục môi trường nhằm nâng cao đạo đức sinh thái	2	X	Hội thảo quốc gia “Nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên Việt Nam khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh trong bối cảnh hiện nay”, ISBN 978-604-378-079-6			290-299	05/2022
12	Vai trò của ngành bảo hiểm trong việc thúc đẩy phát triển năng lực xây dựng chính sách quản lý rủi ro khí hậu	1	X	Hội thảo quốc gia “Vai trò của ngành bảo hiểm đối với sự ổn định xã hội và phát triển nền kinh tế”, ISBN: 978-604-330-249-3			491-498	05/2022
B	Hướng nghiên cứu Lượng giá các giá trị phi thị trường							
I	Trước khi được công nhận TS							
13	Estimating the value of economic benefits associated with adaptation to climate change in a developing country: A case study of improvements in	4	X	Ecological Economics, ISSN: 0921-8009	ISI (SSCI), Scopus (IF: 5.389; Q1)	35	86, 117-128	12/2012

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	tropical cyclone warning services							
14	Analysing motives behind willingness to pay for improving early warning services for tropical cyclones in Vietnam	2	X	Meteorological Applications, ISSN:1469-8080	ISI (SCIE), Scopus (IF: 2.119; Q3)	16	22, 2, 187-197	12/2013
II	Sau khi được công nhận TS							
15	Examining ordering effects in discrete choice experiments: A case study in Vietnam	4	X	Economic Analysis and Policy, ISSN: 0313-5926	ISI (SSCI), Scopus (IF: 2.497; Q1)	11	45, 39-57	02/2015
16	Potential users of mobile phone short-message warning service for tropical cyclones in Vietnam	1	X	Hội thảo quốc tế “Social-Economic Issues in Development” 2015, ISBN: 978-604-927-968-3			474-481	05/2015
17	Attribute non-attendance in discrete choice experiments: A case study in a developing country	5	X	Economic Analysis and Policy, ISSN: 0313-5926	ISI (SSCI), Scopus (IF: 2.497; Q1)	41	47, 22-33	06/2015
18	Exploring strategic behaviour in willingness-to-pay for improvements in cyclone warning services in Vietnam	1	X	Hội thảo quốc tế “Social-Economic and Environmental Issues in Development” 2016, ISBN: 978-604-946-121-7			512-522	05/2016
19	Nghiên cứu giá trị kinh tế của rừng phòng hộ ven biển đối với hoạt động nuôi	2	X	Hội thảo khoa học “Kinh tế Việt Nam trong trung hạn: Triển vọng và một số ảnh hưởng của			344-356	11/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	tôm trên cát tại tỉnh Thừa Thiên Huế			yếu tố môi trường”, ISBN: 978-604-77-2848-0				
20	Tourists’ Willingness-To-Pay for the Implementation of Payment for Forest Ecosystem Services in Bach Ma National Park, Thua Thien Hue Province, Vietnam	1	X	Hội thảo quốc tế “Social-Economic and Environmental Issues in Development” 2017, ISBN: 978-604-946-266-5			293-306	05/2017
21	Ước lượng giá trị kinh tế di sản văn hóa trong tiến trình phát triển đô thị bền vững	1	X	Hội thảo quốc gia “Đô thị hóa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam: Xu hướng đổi mới và Điều kiện phát triển”, ISBN: 978-604-65-3962-9			117-128	03/2019
22	Ước lượng lợi ích kinh tế từ cải thiện chất lượng không khí đối với các hộ gia đình tại Hà Nội	1	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012			278(II), 75-84	08/2020
23	Examining ordering effects and strategic behaviour in a discrete choice experiment	5	X	Economic Analysis and Policy, ISSN: 0313-5926	ISI (SSCI), Scopus (IF: 2.497; Q1)	1	70, 394-413	03/2021
24	Estimating economic benefits associated with air quality improvements in Hanoi City: An application of a choice experiment	5	X	Economic Analysis and Policy, ISSN: 0313-5926	ISI (SSCI), Scopus (IF: 2.497; Q1)	5	71, 420-433	06/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
25	Residents' Preferred Measures and Willingness-To-Pay for Improving Urban Air Quality: A case study of Hanoi City, Vietnam	4	X	Journal of Economics and Development, ISSN: 1859-0020	Tạp chí ACI		EarlyCite	08/2021
26	Exploring strategic behaviour in choice experiments: A case of air quality improvements in Hanoi city, Vietnam	1	X	Hội thảo quốc tế "Social-Economic and Environmental Issues in Development 2022", ISBN: 978-604-79-3205-4			946-957	06/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 04 bài báo (Số TT: 15, 17, 23, 24), ngoài ra có 01 bài báo thuộc nhóm EarlyCite trên tạp chí quốc tế có uy tín (Số TT: 25)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Công Thành